

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2024/HS-ST**

Ngày 19-11-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Trung và bà Đặng Thị Đào

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Thịnh – chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến G (tên gọi khác: không), sinh ngày 17/02/1984, giới tính: Nam, tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Nguyễn Xuân L và bà Bùi Thị C; vợ: Nguyễn Thị G1, có 02 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

*Người bị hại: Ông Ma Văn T, sinh năm 1963, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Đinh Thị O, sinh năm 1964, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2) Ông Bùi Duy L1, sinh năm 1954, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3) Bà Trần Thị H, sinh năm 1961, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

*Người làm chứng:

1) Anh Bùi Duy N, sinh năm 1985, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

2) Anh Bùi Duy K, sinh năm 1974, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

3) Ông Ma Xuân T1, sinh năm 1969, nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

4) Anh Hầu Văn N1, sinh năm 1989, nơi thường trú: xóm T, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các hộ gia đình ông Ma Văn T, bà Đinh Thị O; ông Bùi Duy L1, bà Trần Thị H và Nguyễn Tiến G là hàng xóm cùng sinh sống tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P cho đến năm 2004 thì ông T, bà O chuyển đi nơi khác sinh sống, trong quá trình sinh sống 03 hộ gia đình cùng sử dụng lối đi chung là con đường đất, điểm đầu từ đường bê tông liên xóm đi xã Y, qua một số các thửa ruộng để đi vào nhà các hộ gia đình. Theo bản đồ địa chính xã Đ, huyện P đo đạc năm 2004 thể hiện có 01 con đường đất dẫn từ thửa đất nhà ông Ma Văn T (thửa số 142, tờ bản đồ số 23) đi ra con đường trước nhà văn hóa xóm C1 cũ có chiều dài khoảng 150m, chỗ hẹp nhất là 1,47m, chỗ rộng nhất là 5m. Theo bản đồ địa chính UBND thị trấn Đ đo đạc năm 2017 xác định con đường đất này là lối đi chung do UBND xã quản lý, chiều dài khoảng 145m; chỗ rộng nhất là 05 m (điểm tiếp nối với đường bê tông liên xóm vị trí tại N2), hẹp nhất là 1,47m. Đến năm 2004, gia đình ông T, bà O chuyển đi nơi khác sinh sống, trong thời gian này gia đình Nguyễn Tiến G và ông Bùi Duy L1 đã xin đất của các hộ dân có con đường đi qua để mở rộng, cải tạo và xây bờ kè ở một số điểm bên lề đường phải của lối đi chung (hướng từ ngoài đường bê tông liên xóm). Khoảng tháng 3 năm 2022, số cây keo trồng trên thửa đất của gia đình ông T đến tuổi khai thác nên ông T đã bán gỗ cho ông Hầu Văn N1 với giá 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), sau khi khai thác xong ông N1 cho xe máy kéo nông nghiệp (loại xe tắc to) để đi vào thửa đất của ông T vận chuyển gỗ thì G dùng xe máy kéo nông nghiệp (loại xe Cánh cạch) đỗ ngang ở giữa con đường đất tại vị trí cách tường rào nhà bà Nguyễn Thị D 43m rồi dùng dây xích sắt khóa xe vào cột điện bên đường và đổ khoảng 02 m³ cát ra giữa đường cách vị trí xe cánh cạch 46m, mục đích để không cho xe cơ giới vào vận chuyển gỗ. Sau khi nhận được thông tin, ông T đã trình báo sự việc trên với UBND thị trấn Đ và xin tự nguyện đóng góp cho G 2.000.000đ để làm kinh phí tu sửa đường, đồng thời cam kết nếu việc vận chuyển gỗ gây hỏng hóc đường đi chung thì ông T sẽ tự sửa chữa tuy nhiên G không đồng ý và buộc ông T phải đưa cho G 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì mới cho xe vào để vận chuyển gỗ. Do khai thác gỗ được 10 ngày, gỗ có dấu hiệu nứt, vỡ, hư hỏng đồng thời được ông N1 thông báo gia đình ông T nếu không

vận chuyển được gỗ đi bán thì ông N1 sẽ không mua số gỗ đã khai thác nữa, nên trưa ngày 07/4/2022 tại vị trí G chặn xe cảnh cách ông T đã phải đưa cho G 5.000.000đ để được vận chuyển gỗ đi bán, việc giao nhận tiền giữa G và ông T được lập thành “biên bản giao nhận tiền” có sự chứng kiến của ông L1 và một số người khác chứng kiến. Sau khi nhận đủ số tiền như đã yêu cầu, G đã di chuyển xe cảnh cách và dọn đồng cát ở đường để cho xe vào vận chuyển gỗ. Khoảng cuối tháng 12 năm 2022, G cùng gia đình ông L1 đã mua vật liệu xây dựng gồm, gạch, cát, đá hộc, xi măng xây bờ kè mở rộng đoạn đường trên, với tổng số tiền là 14.900.000đ trong đó có số tiền 5.000.000đ mà G đã cưỡng đoạt của ông T ngày 07/4/2022, số tiền còn lại là do một số hộ dân tự nguyện đóng góp và của G, ông L1 tự chi trả.

Ngày 24/6/2024, bà Đinh Thị O vợ của ông T có đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện P đề nghị xem xét hành vi của Nguyễn Tiến G về hành vi chiếm đoạt tài sản của gia đình bà ngày 07/4/2022.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS-PL ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Tiến G về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận do hai bên gia đình có mâu thuẫn tranh chấp đất từ trước, đồng thời do không hiểu biết pháp luật nghĩ con đường do mình vận động mọi người để mở rộng con đường nhưng gia đình ông T vẫn sử dụng con đường không có đóng góp nên bị cáo yêu cầu phải đóng góp tiền thì mới cho xe vận chuyển gỗ đi qua và nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương luận tội bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tiến G từ 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30-36 tháng.

Trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên không xem xét, tại phiên tòa bị hại đề nghị bồi thường danh dự do bị G xúc phạm tuy nhiên không có căn cứ nên không xem xét trong vụ án.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Các hộ gia đình Bùi Duy L1, Ma Văn T và Nguyễn Tiến G cùng sử dụng lối đi chung con đường đất nối từ đường bê tông liên xóm thuộc tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P vào nhà ở của các hộ dân. Tháng 3/2022 gia đình ông T khai thác gỗ keo tại thửa đất của mình để bán, tuy nhiên G cho rằng mình có công trong việc mở rộng, tu sửa, bảo dưỡng con đường nên không đồng ý cho xe cơ giới vào để vận chuyển gỗ nhà ông T nên đổ 02m³ cát ở giữa lòng đường và đánh xe máy kéo nông nghiệp (xe cày cạch) chặn ngang lối đi yêu cầu ông T phải đưa số tiền 5.000.000đ thì mới cho đi qua. Sau 10 ngày không vận chuyển được gỗ, do gỗ có dấu hiệu bị hư hỏng, nứt vỡ nên ngày 07/4/2022 dưới sự chứng kiến của một số người dân ông T đã giao cho G số tiền 5.000.000đ, sau khi nhận tiền bị cáo mới di chuyển xe máy nông nghiệp, dọn bỏ đống cát và cho ông T vận chuyển gỗ đi bán.

[3] Như vậy, với hành vi đổ cát, dùng xe máy nông nghiệp chặn đường không cho xe vào vận chuyển gỗ trong khoảng thời gian 10 ngày, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của ông Ma Văn T, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang đến quần chúng nhân dân, mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, khắc phục hậu quả trả lại toàn

bộ số tiền đã chiếm đoạt cho gia đình bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông nội được nhà nước tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhất do đó xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại sau đó sử dụng toàn bộ vào việc mua vật liệu xây dựng để xây bờ kè và mở rộng đường đi chung cho các hộ gia đình do đó thấy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự không cần cách ly xã hội cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tác dụng giáo dục pháp luật đối với bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[6] Trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền chiếm đoạt, bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tại phiên tòa bị hại xác định, sau khi nhận tiền thì bị cáo vẫn có những lời nói và đơn từ có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bị hại do đó yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...." xét bị cáo sau khi phạm tội đã sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt để tu sửa đường cho các hộ gia đình cùng đi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án còn có ông Bùi Duy L1 là người biết việc G nhận tiền của ông T đồng thời ký tên Trần Thị H vào biên bản giao nhận tiền ngày 07/4/2022 và bà Trần Thị H có mặt khi G đưa ra yêu cầu ông T phải nộp tiền mới cho xe đi, tuy nhiên ông L1, bà H không bàn bạc, thống nhất gì với G trong việc chặn đường và thu tiền của ông T nên không đặt ra xem xét

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến G phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Tiến G 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến G cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

[3] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[4] Trách nhiệm dân sự: đã bồi thường xong, không xem xét giải quyết

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến G phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tiến G, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- THADS huyện Phú Lương;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Chu Thị Bích Hiền